

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PBDA+RC3+RP2	7:25	19+0+0	0+0+0		17+1+3	0+0+0	
2		P8+SAVR	9:25	3+15	0+0		0+20	0+0	
3		P7+TD5+PBDA	11:40	10+0+9	0+0+0		0+5+14	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 23/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PBDA - RC3 - RP2	CREW: LINH - N.ANH - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/3264		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN XUÂN BÔNG	PBDA	07-08	2	15	3	21	77	PVD LOGGING	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NGUYEN	PBDA	30-31	2	18			68	HALLUBURTON	Vietnamese
3	VÕ HỮU TÂN	PBDA	09	1	6			75	DVL	Vietnamese
4	ISKORNEV VIKTOR	PBDA	18-19	2	15			130	AMHGP	Russian
5	BELENKO KONSTANTIN	PBDA	26-27	2	12			77	AMHGP	Russian
6	SOROKIN VASILII	PBDA	17	1	9			95	AMHGP	Russian
7	GATIN RADIK	PBDA	15	1	12			95	AMHGP	Russian
8	TOLSTOPYATOV IVAN	PBDA	13-14	2	10			81	AMHGP	Russian
9	SINIAGOVSKII OLEG	PBDA	25	1	7			96	AMHGP	Russian
10	EGOROV MAKSIM	PBDA	16	1	7			74	AMHGP	Russian
11	KARPENKO ALEKSEI	PBDA	10	1	14			83	AMHGP	Russian
12	SMIRNOV VIKTOR	PBDA	23-24	2	12			88	AMHGP	Russian
13	CHUDNOVSKII ALEKSANDR	PBDA	20-21	2	17			96	AMHGP	Russian
14	DƯƠNG VŨ THẮNG	PBDA	03	1	10	1	11	70	AMHGP	Vietnamese
15	NGUYỄN BÁ TUẤN	PBDA	05-06	2	15			53	AMHGP	Vietnamese
16	TUZOV DENIS	PBDA	24	1	8			88	AMHGP	Russian
17	GARIANIN SERGEI	PBDA	28-29	2	12			95	AMHGP	Russian
18	KHOKHLOV VLADISLAV	PBDA	11-12	2	17			88	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	18	1.529	28	216	4	32	17		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	1		
3	RP2	0	0	0	0	3	35	3		
TOTAL		18	1.529	28	216	7	67	21		
WEIGHT KG			1.529		216		67			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 23/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: VÀNG-2	TO: P8 - SAVR	CREW: LINH - N.ANH - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/3265		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TA HAU THANG	P8	87-88	2	9			75	DVL	Vietnamese
2	PHAN TRƯỜNG GIANG	P8	91-92	2	11			79	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN SÁNG	P8	89-90	2	14			68	DVL	Vietnamese
4	LÊ CÔNG LUẬN	SAVR	13	1	4	1	20	75	DMC-MI	Vietnamese
5	NAUSHAD KHARAS	SAVR	95-96	2	18	1	10	80	BAKER HUGHES	Indian
6	NGUYỄN QUYẾT QUỲNH	SAVR	99	1	13			70	BAKER HUGHES	Vietnamese
7	USMANOV ALFRED	SAVR	91	1	16			121	AMHGP	Russian
8	KRYLOV EVGENII	SAVR	22-23	2	14			81	AMHGP	Russian
9	KIMAKOVSKII STANISLAV	SAVR	15-16	2	15			100	AMHGP	Russian
10	GORCHAKOV SERGEI	SAVR	33	1	12			94	AMHGP	Russian
11	PROKOFEV ARTEMII	SAVR	24-25	2	15			81	AMHGP	Russian
12	SHCHEGOL KONSTANTIN	SAVR	19	1	12			87	AMHGP	Russian
13	REBROV ILIA	SAVR	20-21	2	19			88	AMHGP	Russian
14	DZORTOV SALAM	SAVR	94	1	7			100	AMHGP	Russian
15	NABIULLIN RAMIL	SAVR	92-93	2	9			64	AMHGP	Russian
16	VTEKHIN IVAN	SAVR	97-98	2	17			78	AMHGP	Russian
17	DUDII MIKHAIL	SAVR	17-18	2	11			79	AMHGP	Russian
18	QUÁCH NGỌC TÙNG LÂM	SAVR	14	1	8			74	AMHGP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	3	222	6	34	0	0	0		
2	SAVR	15	1.272	23	190	2	30	20		
TOTAL		18	1.494	29	224	2	30	20		
WEIGHT KG			1.494		224		30			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 23/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: TIM-3	TO: P7 - TD5 - PBDA	CREW: LINH - N.CƯỜNG - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/3266		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ HOÀNG TIẾN	P7	94	1	20			80	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	P7	03	1	14			80	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN TIẾN DŨNG	P7	06-07	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRỊNH HỮU HIẾU	P7	04-05	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM ANH QUÂN	P7	95-96	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ VĂN SƠN	P7	97-98	2	20			49	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN ĐÔNG	P7	08-09	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TIẾN	P7	01-02	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN NAM ĐỊNH	P7	99,400	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN NHÂN	P7	49-50	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
11	KOZHEVNIKOV ANDREI	PBDA	04-05	2	17			112	AMHGP	Russian
12	RIAUIZOV NIKOLAI	PBDA	03	1	13			96	AMHGP	Russian
13	KADYROV AINUR	PBDA	79	1	11			85	AMHGP	Russian
14	GARIPOV ILIAS	PBDA	80	1	12			110	AMHGP	Russian
15	KOSTENKO EVGENII	PBDA	08-09	2	12			88	AMHGP	Russian
16	CHERNOUSOV SERGEY	PBDA	78	1	11			86	AMHGP	Russian
17	DVORETSKII NIKITA	PBDA	06-07	2	12			88	AMHGP	Russian
18	MISAKOV PETR	PBDA	302,302,400	3	20			105	AMHGP	Russian
19	ZHITNIKOV VIKTOR	PBDA	81	1	6			84	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	10	674	18	185	0	0	0		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	5		
3	PBDA	9	854	14	114	0	0	15		
TOTAL		19	1.528	32	299	0	0	20		
WEIGHT KG			1.528		299		0			

GRAND TOTAL: 1.827 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHAN NHƯ CƯỜNG